

[illegible]

Ngày...tháng...năm...

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu

(ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số: 36/STNMT. Tỷ lệ số khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu được xử lý, cải tạo

1. Phạm vi thống kê

Thống kê số lượng, tỷ lệ các khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu được xử lý, cải tạo trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong năm báo cáo.

2. Cách ghi biểu

Cột B: ghi danh sách các quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Cột 1: ghi tổng số khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu được phát hiện;

Cột 1 = Cột 2 + Cột 3

Cột 2, 3: ghi số khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu được phát hiện theo từng loại khu vực bị ô nhiễm (khu vực đất bị ô nhiễm do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu, chất độc hóa học do chiến tranh hoặc chất độc hại khác; khu vực bãi chôn lấp không hợp vệ sinh đã dừng hoạt động hoặc đóng cửa);

Cột 4: ghi tổng số khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu được xử lý, cải tạo;

Cột 4 = Cột 5 + Cột 6

Cột 5, 6: ghi số khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu được phát hiện theo từng loại khu vực bị ô nhiễm (khu vực đất bị ô nhiễm do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu, chất độc hóa học do chiến tranh hoặc chất độc hại khác; khu vực bãi chôn lấp không hợp vệ sinh đã dừng hoạt động hoặc đóng cửa);

Cột 7: ghi tỷ lệ phần trăm số khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu được xử lý, cải tạo.

Cột 7 = (Cột 4 : Cột 1) x 100

3. Nguồn số liệu

Số liệu thống kê, tổng hợp của cơ quan tài nguyên và môi trường cấp huyện; Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.